

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2349 /QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 48/TTr-STC ngày 05 tháng 8 năm 2024;

Trên cơ sở ý kiến biểu quyết thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023 (kèm theo biểu tổng hợp kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Doanh nghiệp năm 2023).

1. Các Doanh nghiệp có trách nhiệm công bố kết quả xếp loại lên Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp. Trong những năm tiếp theo, các Doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc việc lập, gửi các báo cáo đầy đủ từng chỉ tiêu kèm theo thuyết minh và đúng thời hạn quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông công bố kết quả xếp loại này lên Trang thông tin điện tử của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Sở Tài chính công bố kết quả xếp loại này lên Trang thông tin điện tử của Sở.

3. Sở Nội vụ căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại Doanh nghiệp tại các doanh nghiệp nêu trên để tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng đối với người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2023 theo quy định hiện hành.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có tên trong danh sách và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp);
- TTr.Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND Tỉnh (để b/c);
- Các Sở: KH&ĐT, LĐ-TB&XH;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH_s

(16)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Khánh



TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2349 /QĐ-UBND ngày 30 / 8 /2024 của UBND tỉnh)

Tên doanh nghiệp	Tiêu chí 1				Tiêu chí 2						Tiêu chí 3					Tiêu chí 4 Xếp loại	Xếp loại doanh nghiệp		
	Doanh thu và thu nhập khác (triệu đồng)			Xếp loại	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LNST/vốn (%)			Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đ)			Xếp loại	
	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Đạt tỷ lệ		Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ	Xếp loại	Tài sản ngắn hạn (tr.đồng)	Nợ ngắn hạn (tr.đồng)					TSNH /Nợ NH (lần)
I Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh)																			
1 Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh BR-VT	4,699,644	5,033,922	107.1%	A	547,200	646,092	610,000	610,000	89.7%	105.9%	118.1%	A	969,174	822,612	1.2	-	A	A	A
2 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp BR-VT	55,000	61,743	112.3%	A	11,750	11,882	41,024	41,373	28.6%	28.7%	100.3%	A	49,217	27,774	1.8	-	A	A	A
II Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh)																			
3 Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu	248,000	304,323	122.7%	A	74,300	94,612	279,201	279,250	26.6%	33.9%	127.3%	A	438,438	66,052	6.6	-	A	A	A
4 Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh BR-VT	163,000	97,463	59.8%	C	-	(79,357)	366,710	366,710	0.0%	-	Không đạt	C	429,857	482,907	0.9	78,265	C	A	C
5 Công ty CP Du lịch tỉnh BR-VT	39,500	43,384	109.8%	A	-	(7,778)	197,683	197,683	0.0%	-	Không đạt	C	95,440	26,977	3.5	-	C	A	C
6 Công ty CP Công trình giao thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	375,000	281,955	75.2%	C	8,880	39	88,178	88,787	10.1%	0.0%	0.4%	C	336,152	294,453	1.1	-	A	A	C
7 Công ty CP Cao su Thống Nhất	152,000	160,044	105.3%	A	30,000	32,839	293,174	293,154	10.2%	11.2%	109.5%	A	202,570	34,195	5.9	-	A	A	A
8 Công ty CP DV môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu	108,800	119,241	109.6%	A	9,000	9,870	87,050	86,773	10.3%	11.4%	110.0%	A	82,665	19,604	4.2	-	A	A	A
9 Công ty CP Dịch vụ đô thị Bà Rịa	147,000	143,177	97.4%	B	14,520	14,804	49,482	49,482	29.3%	29.9%	102.0%	A	86,961	52,220	1.7	-	A	A	A
III Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ không quá 50% Vốn điều lệ (Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh)																			
10 Công ty CP Cấp nước BR-VT	697,000	731,823	105.0%	A	193,250	232,483	967,422	1,129,540	20.0%	20.6%	103.0%	A	237,649	65,114	3.6	-	A	A	A
11 Công ty CP DV du lịch quốc tế tỉnh BR-VT	16,500	6,895	41.8%	C	14,500	4,882	350,000	350,000	4.1%	1.4%	33.7%	C	80,409	898	89.5	-	A	A	C
12 Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư phát triển đô thị huyện Long Điền	45,600	55,144	120.9%	A	4,580	3,088	18,242	18,242	25.1%	16.9%	67.4%	C	21,315	5,044	4.2	-	A	A	C
13 Công ty CP Phát triển công viên cây xanh và Đô thị Vũng Tàu	280,000	255,342	91.2%	B	15,600	14,206	51,445	51,762	30.3%	27.4%	90.5%	B	111,204	101,766	1.1	-	A	A	B
14 Công ty CP Dịch vụ đô thị Tân Thành	74,000	87,968	118.9%	A	7,200	6,123	30,137	24,838	23.9%	24.7%	103.2%	A	34,247	15,720	2.2	-	A	B	B

* Ghi chú: Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành.